

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN  
THÀNH PHỐ CÀ MAU  
TỈNH CÀ MAU**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 66/2022/HNGĐ-ST  
Ngày 12 – 4 – 2022  
V/v tranh chấp ly hôn

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ CÀ MAU, TỈNH CÀ MAU**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa:* Bà Phan Thị Thu.

*Các Hội thẩm nhân dân:*

Bà Trương Ánh Hoa  
Ông Nguyễn Hoàng Dân

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Nguyễn Bích Như – *Thư ký Tòa án của Tòa án nhân dân thành phố Cà Mau, tỉnh Cà Mau.*

Ngày 12 tháng 4 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Cà Mau xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 28/2022/TLST-HNGĐ ngày 18 tháng 01 năm 2022 về việc tranh chấp ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 64/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 16 tháng 3 năm 2022 giữa các đương sự:

**Nguyên đơn:** Bà Hồ Thị N, sinh năm 1978. Địa chỉ: Ấp T, xã H, huyện C, tỉnh Cà Mau (có mặt).

**Bị đơn:** Ông Nguyễn Thanh B, sinh năm 1973. Địa chỉ: Số 136, đường N, phường M, thành phố C, tỉnh Cà Mau (vắng mặt).

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Tại đơn khởi kiện ngày 11/01/2022, bản tự khai và được bổ sung tại phiên tòa, nguyên đơn bà Hồ Thị N trình bày:

Về hôn nhân: Bà và ông Nguyễn Thanh B, kết hôn có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện C, tỉnh Cà Mau vào ngày 10/5/2002. Trong quá trình chung sống vợ chồng phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm. Cuộc sống vợ chồng không thể hàn gắn nên bà yêu cầu ly hôn với ông B.

Về con chung: Có 02 người con chung tên Nguyễn Thái N, sinh ngày 26/01/2004 và Nguyễn Khải N, sinh ngày 01/3/2013. Khi ly hôn bà yêu cầu nuôi con Nguyễn Khải N, không yêu cầu ông Bình cấp dưỡng nuôi con. Nguyễn Thái N đã trưởng thành không yêu cầu giải quyết về trách nhiệm nuôi dưỡng.

Về tài sản chung và nợ chung: Không có tài sản chung, không có nợ chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

\* Ông Nguyễn Thanh B được tòa án thông báo thụ lý về yêu cầu khởi kiện của bà N nhưng ông B không yêu cầu hàn gắn mối quan hệ vợ chồng cũng không có ý kiến đối với yêu cầu của bà N.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:**

[1] Bà Nhi và ông B kết hôn có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện C, tỉnh Cà Mau vào ngày 10/5/2002, đúng quy định của pháp luật. Bà N yêu cầu ly hôn với ông B. Quan hệ pháp luật mà các bên tranh chấp được xác định là tranh chấp về ly hôn theo quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật tố tụng dân sự. Nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án.

[2] Đối với ông Nguyễn Thanh B mặc dù Tòa án tổng đạt hợp lệ văn bản tố tụng triệu tập ông B tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và Hòa giải đến lần thứ hai và tổng đạt hợp lệ giấy triệu tập ông B tham gia phiên tòa xét xử đến lần thứ hai nhưng ông B đều vắng mặt không rõ lý do. Nên Tòa án không tiến hành hòa giải vụ án được và Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt ông B theo quy định tại Điều 207 và Điều 227, 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

[3] Về hôn nhân: Bà N yêu cầu ly hôn với ông B với lý do vợ chồng có mâu thuẫn về bất đồng quan điểm sống. Ông B không có ý kiến về yêu cầu ly hôn của bà N, cũng không có yêu cầu hàn gắn mối quan hệ hôn nhân với bà N. Nên việc bà N cho rằng tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được là phù hợp. Hội đồng xét xử chấp nhận cho bà N được ly hôn với ông B.

[4] Về con chung: 02 người con chung tên Nguyễn Thái N, sinh ngày 26/01/2004 và Nguyễn Khải N, sinh ngày 01/3/2013. Khi ly hôn bà yêu cầu nuôi con Nguyễn Khải N. Con chung Khải N hiện đang sống với bà Nhi, yêu cầu này phù hợp với nguyện vọng của con chung Khải N nên có cơ sở chấp nhận yêu cầu này của bà N. Đối với trách nhiệm cấp dưỡng nuôi con, bà N không yêu cầu ông B cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử không xem xét. Đối với Nguyễn Thái N đã trưởng thành, không yêu cầu giải quyết về trách nhiệm nuôi dưỡng nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Về tài sản chung và nợ chung: Bà N xác định không có tài sản chung cũng không có nợ chung. Ông B không yêu cầu phân chia tài sản chung, cũng như không yêu cầu giải quyết trách nhiệm trả nợ. Không ai khác yêu cầu Tòa án xem xét trách nhiệm trả nợ của bà N và ông B nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[6] Về án phí: Án phí hôn nhân gia đình bà Nhi phải nộp.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào các Điều 51, 53, 56, 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình; Các Điều 28, 147, 207, 227, 228, 273 Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về án phí.

Về hôn nhân: Bà Hồ Thị N được ly hôn với ông Nguyễn Thanh B.

Về con chung: Tiếp tục giao con chung tên Nguyễn Khải N, sinh ngày 01/3/2013 cho bà Hồ Thị N trực tiếp nuôi dưỡng. Không xem xét trách nhiệm cấp dưỡng nuôi con. Ông Nguyễn Thanh B có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung

không ai được cản trở. Con chung Nguyễn Thái N, sinh ngày 26/01/2004 đã trưởng thành, không xem xét trách nhiệm nuôi dưỡng.

Về tài sản chung và nợ chung: Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

Về án phí: Án phí hôn nhân và gia đình 300.000đ (*ba trăm ngàn đồng*) bà Hồ Thị N phải nộp. Ngày 14/01/2022 bà Hồ Thị N đã nộp tiền tạm ứng án phí 300.000đ (*ba trăm ngàn đồng*) theo biên lai thu số 0000810 tại Chi cục Thi hành án Dân sự thành phố Cà Mau được chuyển thu.

*Trường hợp bản án được thi hành theo qui định tại điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.*

Bà Hồ Thị N có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Ông Nguyễn Thanh B có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết.

***Nơi nhận:***

- TAND tỉnh Cà Mau
- VKSND TP.Cà Mau;
- UBND xã Tân Hưng,
- H.Cái Nước, tỉnh Cà Mau
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ - án văn.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ  
(đã ký)**

**Phan Thị Thu**